TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST
Ngày: 19 - 10 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Bền

Ông Phan Ngọc Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Huỳnh Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 339/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị D1, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

- *Bị đơn:*

1. Ông Diệp Văn H, sinh năm 1971;

2. Bà Hà Thị D2

Cùng địa chỉ: Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Diệp Phát Đạt, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Tô Thị D1 trình bày: Cha mẹ chồng chị là ông Diệp Văn H, bà Hà Thị D2 có hỏi mượn của chị 05 chỉ vàng 24k loại 9999, thoả thuận lãi suất

01 chỉ vàng bằng 100.000 đồng/1 tháng để lo chuyện gia đình, khi mượn ông H, bà D2 có ghi biên nhận viết tay đề ngày 20/3/2013 (âl).

Năm 2015, ông H bà D2 tiếp tục hỏi vay số hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 1.000.000 đồng lãi suất 30.000 đồng/1 tháng, ghi biên nhận viết tay đề ngày 10/5/2015 (âl).

Năm 2016 ông H, bà D2 hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 1.000.000 đồng lãi suất 30.000 đồng/1 tháng, ghi biên nhận viết tay đề ngày 16/3/2016 (âl).

Tổng cộng ông H, bà D2 vay mượn là: 05 chỉ vàng 24k, loại 9999 và 110.000.000 đồng từ khi vay mượn đến nay, ông H, bà D2 không đóng lãi cũng như không trả nợ gốc. Nay chị yêu cầu ông H, bà D2 trả lại 05 chỉ vàng 24k loại 9999 và 110.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự kH đề ngày 30/11/2020 của bị đơn ông Diệp Văn H trình bày: Ông H thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền và vàng, thời gian gian vay, số vàng và tiền như nguyên đơn trình bày là đúng. Từ khi vay mượn đến nay vợ chồng ông không đóng lãi cũng như trả nợ gốc. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả tiền và vàng, ông đồng ý đứng ra trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, do vợ ông bà D2 đã bỏ địa phương đi làm ăn xa.

Bị đơn bà Hà Thị D2 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời kH, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công kH chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Diệp Văn H có đơn xin vắng mặt, bà Hà Thị D2 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời kH, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công kH chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, lời kH của bị đơn, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị D1, yêu cầu ông Diệp Văn H và bà Hà Thị D2 phải trả số tiền vay 110.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k loại 9999. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Diệp Văn H và bà Hà Thị D2 có địa chỉ cư trú tại Ấp VB, xã NT, huyện GR, tỉnh KG Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị D1 khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin vắng mặt, bà Hà Thị D2 đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai theo quy định Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà D2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị D1 yêu cầu ông H, bà D2 trả số tiền vay còn nợ là 110.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k loại 9999, không yêu cầu tính lãi suất. Ông Diệp Văn H bị đơn trong vụ án thừa nhận có nợ tiền và vàng theo như nguyên đơn trình bày là đúng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà Hà Thị D2 là vợ của ông H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thông báo và triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bà D2 vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến phản hồi cũng như chứng cứ chứng minh về yêu cầu của nguyên đơn xem như bà D2 đã tước bỏ quyền chứng minh của mình qua việc không đến Toà án tham gia tố tụng, nên bà D2 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật này. Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên nhận đề ngày 20/3/2013 (âl) bà D2 ông H có mượn của chị D1 05 chỉ vàng 24 loại 9999; biên nhận ngày 10/5/2015 (âl) vay số tiền 50.000.000 đồng; biên nhận ngày 16/3/2016 (âl) vay số tiền 60.000.000 đồng.

Tổng cộng 2 lần vay tiền là 110.000.000 đồng. Việc vay tiền, mượn vàng này được ông H thừa nhận và đồng ý trả. Từ đó, cho thấy ông H, bà D2 có vay tiền và vàng như nguyên đơn trình bày là đúng. Theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác."*. Ông H, bà D2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị D1 khởi kiện yêu cầu phải trả lại số tiền, vàng nêu trên là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của chị D1 được Tòa án chấp nhận nên chị D1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị D1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.412.500 đồng (ba triệu bốn trăm mười H nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005722 ngày 30/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Diệp Văn H, bà Hà Thị D2 phải trả cho chị D1 là 05 chỉ vàng 24k loại 9999 (giá vàng tại thời điểm xét xử có giá là 5.000.000/01chỉ x 05 chỉ vàng = 25.000.000 đồng) và tiền vay là 110.000.000 đồng. Tổng cộng là 135.000.000, ông H, bà D2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 135.000.000 đồng x 5% = 6.750.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị D1 đối với ông Diệp Văn H, bà Hà Thị D2 Buộc ông Diệp Văn H, bà Hà Thị D2 phải liên đới trả cho chị Tô Thị D1 số tiền vay là 110.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k loại 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Chị Tô Thị D1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.412.500 đồng (ba triệu, bốn trăm mười H nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005722 ngày 30/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Diệp Văn H, bà Hà Thị D2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.750.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Chị Tô Thị D1, Diệp Văn H, bà Hà Thị D2; anh Diệp Phát Đvắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy đinh của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên